

PHƯƠNG THỨC SO SÁNH TRONG CA KHÚC *TÌNH SẦU* CỦA TRỊNH CÔNG SƠN

HÀN THỊ THU HƯỜNG

(Cao học NN K16, Đại học Thái Nguyên)

1. Trịnh Công Sơn là một nhạc sĩ đã ghi lại dấu ấn đậm nét và cũng là một hiện tượng hiếm gặp trong nền âm nhạc Việt Nam. Đến với nghệ thuật như một sự ngẫu nhiên của số phận, nhưng Trịnh Công Sơn đã tạo dựng cho mình một dòng nhạc độc lập, có sức sống và vị trí riêng, được gọi bằng cái tên bình dị, thân quen là *Nhạc Trịnh*. Những ca khúc của ông có tầm ảnh hưởng lớn không chỉ trên lãnh thổ Việt Nam mà còn vượt biên giới đến với những trái tim yêu nhạc ở nhiều nước trên thế giới. Lắng nghe *Nhạc Trịnh*, chúng ta thấy được cái khốc liệt của chiến tranh qua những ca khúc phản chiến, sự hữu hạn của đời người qua những ca khúc về thân phận, và những cung bậc khác nhau của tình yêu qua những bản tình ca, đồng thời cảm nhận được lòng yêu đời và yêu người tha thiết của người nghệ sĩ đã sống giữa cuộc đời và đến với nghệ thuật bằng trái tim đầy lòng nhân ái.

Tình yêu là đề tài lớn nhất trong các tác phẩm của Trịnh Công Sơn. Những bản tình ca chiếm đa số trong danh mục ca khúc của ông. Trong số những bản tình ca bất hủ của Trịnh Công Sơn, không thể không nhắc đến *Tình sầu*. Bài hát này được Trịnh Công Sơn sáng tác vào năm 1965 và là một trong những ca khúc đã đưa những tình khúc của ông lên đến đỉnh cao của thành công. Nó được cất lên bằng một tiết tấu chậm chậm như giọng của một người vừa kể chuyện vừa suy ngẫm. Cũng giống như đa số những bài hát viết về tình yêu của Trịnh Công Sơn, *Tình sầu* là một câu chuyện tình không trọn vẹn. Trong ca khúc này, Trịnh Công Sơn đã viết về những hạnh phúc buồn bã, những nỗi ngậm ngùi, những bất trắc, những gian dối, những “con đau thật dài” của một “cuộc tình không may”. Thế nhưng, tình yêu vẫn được tác giả

trân trọng và ngợi ca, bởi “Tình cho nhau mỗi ấm. Một lần là trăm năm”.

2. So sánh là một trong những phương thức làm nên vẻ đẹp và nét độc đáo của ngôn ngữ nghệ thuật. Theo quan niệm của tu từ học, đây là phương thức dùng để đối chiếu hai đối tượng khác loại, không hoàn toàn đồng nhất với nhau mà có thể chỉ có một nét giống nhau, thậm chí chỉ có một mối liên hệ sâu xa nào đó, nhằm gợi nên những cảm xúc thẩm mĩ trong nhận thức của người đọc, người nghe, qua việc diễn tả bằng hình ảnh một lối tri giác mới mẻ về đối tượng được đem ra so sánh.

Hình thức đầy đủ nhất của phương thức so sánh gồm 4 yếu tố:

- Cái được so sánh (A): đối tượng đem ra so sánh.

- Cơ sở so sánh (x): tính chất, trạng thái của cái được so sánh, hay phương diện so sánh.

- Từ ngữ so sánh (tss): từ ngữ dùng để so sánh, tạo nên mối liên kết giữa cái được so sánh và cái so sánh.

- Cái so sánh (B): đối tượng làm chuẩn để so sánh.

Ví dụ:

Cái được so sánh (A)	Cơ sở so sánh (x)	Từ ngữ so sánh (tss)	Cái so sánh (B)
Đời	<i>nhẹ</i>	<i>như</i>	<i>lá thu</i>
Giọng cười em	<i>vút cao</i>	<i>hơn</i>	<i>bình minh</i>
Lòng	<i>thên thang</i>	<i>tựa như</i>	<i>những áng mây trôi</i>

Tuy nhiên trong thực tế sử dụng ngôn ngữ, không phải tất cả những cấu trúc so sánh đều tuân theo mô hình đầy đủ kể trên, trật tự các

yếu tố có thể bị thay đổi hoặc một số yếu tố trong mô hình bị tĩnh lược.

3. So sánh là cách thường gặp trong ca từ của Trịnh Công Sơn, góp phần quan trọng trong việc xây dựng hình tượng nghệ thuật và chuyên chở những ý nghĩa của tác phẩm đến với những bến bờ sâu kín trong tâm hồn người nghe.

3.1. Trong 66 câu hát (theo cách trình bày ứng với một lần xuống dòng trong tài liệu trích dẫn) của bài **Tình sầu**, phương thức so sánh được Trịnh Công Sơn sử dụng tới 21 lượt, với những đặc điểm như sau:

a, Đặc điểm về hình thái cấu trúc:

Các kiểu cấu trúc so sánh trong ca khúc

STT	Kiểu cấu trúc so sánh	Số lượt trong tác phẩm	Tỉ lệ %
1	A + tss + B	12	57,2%
2	A + x + tss + B	5	23,8%
3	A + (tss+B1) + (tss+B2) + (tss+B3) + (tss+B4)	2	9,5%
4	x + tss + B	2	9,5%
	Tổng số	21	100%

Sau đây xin phân tích kĩ hơn về các kiểu cấu trúc so sánh được sử dụng trong ca khúc:

- Cấu trúc **A + tss + B**. Ví dụ (Ghi chú: Dấu chấm (.) trong các ví dụ tương ứng với chỗ xuống dòng trong tài liệu trích dẫn):

Tình yêu như cơn bão. Đi qua địa cầu.

(Trong đó: A: *tình yêu*

tss: *như*

B: *cơn bão đi qua địa cầu*)

Và các ví dụ khác: *Tình yêu như vết cháy. Trên da thịt người; Tình yêu như trái phá. Con tim mù loà; Tình yêu như trái chín. Trên cây rụng rời; Tình yêu như thương áo. Quen hơi ngọt ngào; Tình yêu như nổi chết. Cơn đau thật dài; Tình yêu như đốt sáng. Con tim tạt nguyên; Nghìn trùng như vết sương; Tình cho nhau môi ấm. Một lần là trăm năm; Hồn mình như vá khâu; Buồn mình như lưng sâu; Một mai thức dậy. Chợt hồn như ngất ngày.*

Cấu trúc này được sử dụng 12/21 lượt, chiếm tỉ lệ 57,2%.

- Cấu trúc **A + x + tss + B**. Ví dụ:

Tình mong manh như nắng

(Trong đó: A: *tình*

x: *mong manh*

tss: *như*

B: *nắng*)

Và các ví dụ khác: *Tình xa như trời; Tình gần như khói mây; Tình trầm như bóng cây; Tình reo vui như nắng.*

Cấu trúc này được sử dụng 5/21 lượt, chiếm tỉ lệ 23,8%.

- Cấu trúc **A + (tss+B1) + (tss+B2) + (tss+B3) + (tss+B4)**. Ví dụ:

Cuộc tình lên cao vút. Như chim mỗi cánh rời. Như chim xa lìa bầy. Như chim xa lìa trời. Như chim bỏ đường bay.

(Trong đó: A: *cuộc tình lên cao vút*

tss1, tss2, tss3, tss4: *như*

B1: *chim mỗi cánh rời*

B2: *chim xa lìa bầy*

B3: *chim xa lìa trời*

B4: *chim bỏ đường bay*

Cấu trúc này được lặp lại 2 lần trong bài hát, chiếm tỉ lệ 9,5%.

- Cấu trúc **x + tss + B**. Ví dụ:

Lạnh lòng như dấu chim

(Trong đó: x: *lạnh lòng*

tss: *như*

B: *dấu chim*)

Và ví dụ khác: *Một mai thức dậy. Chuyện trò với lá cây. Rồi buồn như lá bay.*

Cấu trúc này được sử dụng 2/21 lượt, chiếm tỉ lệ 9,5%.

Trong các kiểu cấu trúc so sánh ở ca khúc **Tình sầu**, Trịnh Công Sơn chỉ sử dụng hai từ so sánh *như* và *là* (ứng với hai cách so sánh: tương tự và ngang bằng), trong đó *như* chiếm ưu thế gần như tuyệt đối (*như* được sử dụng 27 lượt trong khi *là* chỉ được sử dụng 1 lượt). Trong hoàn cảnh so sánh cụ thể là ca khúc **Tình sầu**, từ *là* có sắc thái ý nghĩa khác so với *như*. *Là* mang sắc thái khẳng định sự đồng nhất hoàn toàn, sự đánh giá có cơ sở khách quan, trong khi *như* mang sắc thái không khẳng định sự đồng nhất hoàn toàn, chỉ tương đồng ở một khía cạnh nào đó, trong sự cảm nhận thiên về chủ quan. Như vậy trong những kiểu cấu trúc so sánh ở **Tình sầu**, Trịnh Công Sơn ưa sử dụng từ so sánh mang tính chủ quan, chứ không khẳng định. Có thể

đây là một đặc điểm trong phong cách ngôn ngữ của ông, giúp ông thể hiện cái tôi trữ tình và như kể những câu chuyện của riêng mình.

Vậy việc sử dụng các kiểu so sánh và tương quan về số lượng các kiểu so sánh trong **Tình sầu** mang lại hiệu quả gì về phương diện tu từ?

Với kiểu so sánh **A + tss + B**, tác giả đã đồng nhất hoặc tương tự hoá hai sự vật khác loại (A và B), mặc dù chúng có rất nhiều đặc tính. Cách so sánh mở này buộc người nghe phải suy ngẫm và liên tưởng để chọn ra đặc tính nào (hoặc những đặc tính nào) là căn bản và được xem là tồn tại ở hai sự vật khác loại này, để tác giả lấy đó làm căn cứ so sánh.

Với kiểu so sánh **A + x + tss + B**, tác giả đã nêu ra một sự vật cùng với một đặc tính nhất định của nó để so sánh với một sự vật khác loại (A + x và B). Cách so sánh này có tác dụng gợi dẫn người nghe tới một đặc tính nhất định, thường là bất ngờ ở hai sự vật, được coi là tiêu điểm so sánh. Để rồi chính điều đó lại kéo theo sự liên tưởng tới những đặc tính khác (không hiển ngôn) của A và B trong hoàn cảnh cụ thể của ca khúc.

Nếu kiểu so sánh **A + tss + B** chỉ đồng nhất hoặc tương tự hoá hai sự vật khác loại, thì kiểu **A + (tss+B1) + (tss+B2) + (tss+B3) + (tss+B4)** đã đưa người nghe tới những khả năng đa dạng hơn và yêu cầu liên tưởng chọn lọc, phong phú hơn. Điều đó giống như cách giải câu đố: Các vật vừa giống cái này, lại vừa giống cái kia, và cái kia nữa, đó là gì. Cách so sánh một sự vật hiện tượng với nhiều sự vật hiện tượng đưa người nghe tới một chuỗi liên tưởng.

Với kiểu so sánh **x + tss + B**, A - chủ thể trữ tình được giấu đi, chỉ nêu lên một đặc tính (chẳng hạn là *buồn*). Đó là một chủ thể phiếm định, là người nói, là người kia, là cả hai, hoặc ai đó, tóm lại đó là người yêu và được (hoặc không được yêu). Là ai hay chẳng là ai cả? Điều đó gợi cho người nghe sự cảm nhận rằng ca từ như lời tự truyện của tác giả, lại như kể chuyện đời hoặc kể chuyện của chính người nghe vậy. Tức là người nghe có thể chỉ là nghe người khác kể chuyện của họ, hoặc nghe kể về câu chuyện của chính mình. Điều đó tạo một sự liên tưởng và thành cơ sở của sự đồng cảm giữa người nghe và tác giả.

Nhìn chung, qua việc sử dụng các kiểu so sánh ở trên, có thể thấy tác giả của **Tình sầu** ưa dùng lối so sánh mở, để người nghe suy tưởng theo cách của mình hoặc theo sự gợi dẫn. Có thể điều này tạo nên tính chất nên thơ, "ý tại ngôn ngoại" và sự hấp dẫn cho tác phẩm.

b, Đặc điểm về ngữ nghĩa

Trước hết, xin nói về cái được so sánh trong ca khúc.

- Cái được so sánh là những biểu hiện thế giới nội tâm, tinh thần của con người, được biểu thị bằng các từ ngữ: *tình yêu, tình, cuộc tình, buồn, buồn mình, hôn, hôn mình*. Và đặc biệt, *tình yêu, tình* được trở đi trở lại rất nhiều lần với tư cách cái được so sánh trong ca khúc (*tình yêu* - 7 lần; *tình* - 5 lần). Có thể nhận thấy cái được so sánh thuộc ba phạm trù: tình yêu, hôn (cõi lòng) và nỗi buồn.

- Cái được so sánh là những sự vật hiện tượng trùu tượng, được thể hiện qua những từ ngữ: *ngành trùng, một lần, lạnh lùng*. Có thể nhận thấy ở đây ba phạm trù: khoảng cách, thời khắc và sự trống vắng.

Và sau đây là cái so sánh trong ca khúc

- Cái so sánh là những sự vật hiện tượng của thế giới tự nhiên, được biểu thị bằng các từ ngữ: *trời, khói mây, nắng, cơn bão, vết sương, lưng sâu*.

- Cái so sánh là những sự vật hiện tượng thường gặp của đời sống hàng ngày, được thể hiện qua những từ ngữ: *trái phá, vết cháy, bóng cây, trái chín, thương áo, lá bay, chim mỗi cánh, chim xa lìa bấy, chim xa lìa trời, chim bỏ đường bay, dấu chim, đốt sáng, vá khâu*.

- Cái so sánh là những sự vật hiện tượng trùu tượng, được biểu thị bằng những từ ngữ: *ngát ngây, nỗi chết, trăm năm*.

Như vậy, có thể nhận thấy, trong **Tình sầu**, Trịnh Công Sơn thường đem những cái thuộc con người, cụ thể là thế giới nội tâm của con người so sánh với những cái bên ngoài con người (những hiện tượng tự nhiên, những sự vật hiện tượng cụ thể hoặc trùu tượng). Chẳng hạn: *Tình yêu như vết cháy. Trên da thịt người*. Ở đây, cơ sở so sánh, tức nét tương đồng giữa cái được so sánh là *tình yêu* và cái so sánh là *vết cháy trên da thịt người* đã được ẩn giấu đi. *Vết cháy trên da thịt người* là một

vết thương làm cho người ta đau đớn. Trịnh Công Sơn đã từng phát biểu: *Tình yêu có thể là một bông hoa, cùng lúc có thể là một tai nạn* [theo 4;73]. Khi tình yêu là một tai nạn, chắc hẳn sẽ để lại những vết thương. Và có vết thương nào lại không xót xa, đau đớn! Trịnh Công Sơn đã cụ thể hoá nỗi đau của vết thương lòng bằng nỗi đau của vết thương trên thể xác. Nhạc sĩ đã dành cho người nghe cả một khoảng trời để suy ngẫm, liên tưởng, từ đó tìm ra nét tương đồng giữa hai đối tượng ở hai vế: cái được so sánh và cái so sánh. Qua đó phát hiện ra đặc điểm của đối tượng được so sánh. Đây cũng là một trong những yếu tố khiến cho nhạc Trịnh trở thành một dòng nhạc “kén người nghe”.

3.2. Vai trò của phương thức so sánh trong *Tình sầu*

Có thể nói, so sánh là một cách tu từ nổi bật trong *Tình sầu*. Nhờ so sánh, tác giả đã mang đến cách nhìn mới mẻ về tình yêu, miêu tả sinh động những cung bậc khác nhau của tình yêu và ca ngợi giá trị vĩnh hằng của tình yêu.

Trước hết, Trịnh Công Sơn đã mang đến **cách nhìn mới mẻ về tình yêu** qua sử dụng những hình ảnh độc đáo trong so sánh.

Thời điểm Trịnh Công Sơn sáng tác *Tình sầu* cũng là lúc cuộc chiến tranh Việt Nam diễn ra khốc liệt. Trong thời gian này, ông bắt đầu sáng tác những bài hát về thân phận con người trong chiến tranh, miêu tả cuộc sống kinh hoàng đầy chết chóc hàng ngày của người dân. Cái khốc liệt, dữ dội của chiến tranh cũng được Trịnh Công Sơn đưa vào những bản tình ca của mình bằng những hình ảnh so sánh mới lạ và độc đáo, ngay ở câu đầu tiên trong ca khúc.

Có lẽ chưa có ai chiến tranh hoá tình yêu qua ca từ tác phẩm tài tình như Trịnh Công Sơn. Thế hệ của nhạc sĩ này có tuổi bằng với tuổi của chiến tranh. Ngay từ khi còn rất trẻ, chiến tranh đã trở thành nỗi ám ảnh thường trực trong tâm trí ông. Ông là người đầu tiên đưa không khí chiến tranh vào tình yêu và nâng đề tài này lên đỉnh cao của nghệ thuật. Đại thi hào Hy Lạp là Homère từng nói: chỉ có hai chuyện đáng nói trên đời này thôi, là chiến tranh và tình yêu. Trịnh Công Sơn đã may mắn được lịch sử ban tặng cảm hứng từ

“hai chuyện đáng nói trên đời” ấy. Trong *Tình sầu*, ông đã so sánh tình yêu với hàng loạt những hình ảnh về chiến tranh: *Tình yêu như trái phá con tim mù loà* (như sức công phá của đại bác); *Tình yêu như vết cháy trên da thịt người* (như thương tích của lửa hoặc bom cháy); *Tình yêu như đốt sáng con tim tận nguyên* (như ánh sáng và sức thiêu đốt của hoả châu); *Tình yêu như nổi chết cơn đau thật dài* (như cái chết dễ dàng, “chết thật tình cờ” trong chiến tranh, để lại những nỗi đau không dễ nguôi ngoai).

Với những lời hát này, người nghe cảm nhận được sự dữ dội, khốc liệt của chiến tranh và cũng là sự dữ dội, khốc liệt của tình yêu. Giữa tình yêu và những hình ảnh có liên quan đến chiến tranh được đem ra so sánh tưởng như chẳng có gì liên quan đến nhau, và không có gì tương đồng, nhưng nếu lắng tâm hồn mình lại và suy ngẫm thì ta thấy sự so sánh ấy là hoàn toàn có thể. Đó là trường hợp của câu mở đầu ca khúc: *Tình yêu như trái phá. Con tim mù loà*. Trong chiến tranh, đạn đại bác (*trái phá*) có sức mạnh ghê gớm của loại vũ khí hạng nặng, đem lại sự đổ vỡ, huỷ diệt và cả cái chết, “những cái chết không báo trước nhưng cũng nhuộm đầy đủ màu sắc tai ương của một kiếp nạn” [9]. Vậy mà trong ca khúc, đích nhằm đến của *trái phá* lại là một đối tượng đã mất khả năng nhận thức lí tính để ẩn náu trước hiểm họa, là con tim mù loà. Vâng, trái tim đã mù loà vì tình yêu, và trước tình yêu nó không còn là chính nó nữa.

Tình yêu mang đến những cảm xúc về sự hiểm nguy bất trắc, nhưng cũng có lúc mang đến những vị ngọt và trái chín: *Tình yêu như thương áo quen hơi ngọt ngào; Tình yêu như trái chín trên cây rụng rời*. Vị ngọt của tình yêu được diễn tả bằng những hình ảnh so sánh thật đơn sơ, bình dị nhưng vẫn có một cái gì đó như cô đơn, lẻ loi, buồn tủi. Như người tình đã đi xa rồi, chỉ còn lại hơi ấm quen thuộc trên chiếc áo để lại mà thôi. Cũng như *trái chín trên cây rụng rời*, sao mà xót xa, tội nghiệp đến vậy!

Thứ hai là, qua so sánh, Trịnh Công Sơn đã **thể hiện một cách sinh động và giàu hình ảnh những cung bậc khác nhau của tình yêu**.

Tình yêu trong ca khúc là một thứ tình cảm có tính nhị nguyên, tức là luôn mang trong nó những trạng thái đối lập (xa/gần; trầm/reo vui): *Tình xa như trời/Tình gần như khói mây; Tình trầm như bóng cây/Tình reo vui như nắng*

Tình xa như trời - một sự so sánh hoàn toàn hợp lí vì không ai có được tình yêu trọn vẹn, cũng như trời kia xa lắm, có ai mà với tới. Nhưng *Tình gần như khói mây* thì là một sự bất ngờ của lời ca được tác giả mang đến cho người nghe. Tại sao lại *gần như khói mây*? Khói mây thì khó ai mà nắm bắt được, bởi nó mong manh, dễ tan biến và luôn thay hình đổi dạng. Phải chăng đó cũng chính là một đặc tính của tình yêu - không ai nắm giữ được tình yêu trong tay mình cho dù nó đang ở thật gần. Như Trịnh Công Sơn từng nói: *Tình yêu tự đến và tự đi, không cần ai điều dắt. Nó hoàn toàn tự do. Muốn giam cầm nó thì nó sẽ bay đi. Muốn thả nó bay đi có khi nó ở lại* {5;25}.

Tình trầm như bóng cây/ Tình reo vui như nắng. Ở câu thứ nhất, với sự so sánh tình như bóng cây và với cơ sở so sánh là *trầm*, tác giả đã diễn tả một trạng thái của tình yêu: đứng yên, lặng lẽ và mờ nhạt. Câu thứ hai, trái lại, diễn tả một trạng thái hoàn toàn khác: Tình yêu được nhân cách hoá thành một thực thể sống động đầy hứng khởi với hành động *reo vui* và được so sánh với *nắng*, bởi nắng vốn mang màu sắc tươi sáng nên thường được nhắc đến như dấu hiệu của niềm vui. Trong ca từ Trịnh Công Sơn, *nắng* thường được dùng như một hình ảnh biểu trưng, chỉ niềm vui hiếm hoi nơi “cõi tạm”, và niềm vui ấy cũng hiếm hoi trong những bản tình ca vốn mang nặng nỗi buồn và ưu tư của ông.

Hoặc một trạng thái khác của tình yêu, trong một chuỗi liên tưởng kì lạ hơn: *Cuộc tình lên cao vút. Như chim mỗi cánh rời. Như chim xa lìa bấy. Như chim xa lìa trời. Như chim bỏ đường bay*. Đây là một cấu trúc so sánh hết sức độc đáo, không chỉ vì một A (cái được so sánh) được đem ra so sánh với nhiều B (cái so sánh) mà còn vì sự đối lập giữa A và B: *cuộc tình lên cao vút* (hướng đi lên) được so sánh với *chim mỗi cánh, chim xa lìa bấy, chim xa lìa trời, chim bỏ đường bay* (hướng đi

xuống). Ở đây, sự say đắm, nồng nàn khi tình yêu đạt đến độ thăng hoa lại được so sánh với những trạng thái mệt mỏi và chia lìa. Phải chăng khi *cuộc tình lên cao vút* cũng chính là dự báo cho sự mất mát chia lìa? Điều này đã trở thành nỗi ám ảnh với người nhạc sĩ, bởi vậy cấu trúc so sánh ấy đã trở đi trở lại hai lần trong ca khúc, thể hiện sự lo lắng, bất an của Trịnh Công Sơn trước một *cuộc tình không may*.

- Thứ ba là, bằng so sánh, Trịnh Công Sơn đã **ca ngợi giá trị vĩnh hằng của tình yêu**.

Tình yêu trong nhạc Trịnh Công Sơn luôn gắn liền với nỗi bất hạnh, khắc khoải, chia lìa. Những người tình đến rồi đi và để lại những vết thương không dễ hàn gắn và những nỗi đớn đau chẳng thể nguôi ngoai. Thế nhưng, nhạc sĩ vẫn tâm niệm: *Có người yêu thì hạnh phúc, có người yêu thì đau khổ, nhưng dù đau khổ hay hạnh phúc thì con người vẫn muốn yêu. Tình yêu vì thế mà tồn tại. Con người không thể sống mà không yêu* {9}.

Trịnh Công Sơn đã kết lại **Tình sâu** bằng một hình ảnh so sánh đầy ý nghĩa: *Tình cho nhau môi ấm. Một lần là trăm năm*. Lời thổ lộ bất chợt này đã xoá đi những bất an, bất trắc, những giằng xé, giằng vò trong toàn ca khúc, để chỉ còn lại cái giá trị vĩnh hằng của tình yêu. Dù chỉ *một lần* thôi, có thể ngắn, có thể dài, có thể là mật ngọt, có thể là mật đắng, nhưng một lần ấy là *trăm năm*, là cả đời người, để ta luôn trân trọng và biết ơn.

4. Có thể nhận thấy so sánh là một phương thức tu từ được ưa dùng và rất đặc dụng trong ca khúc **Tình sâu** của Trịnh Công Sơn, bên cạnh các phương thức tu từ khác. Hiếm có ca khúc nào mà phương thức này lại được sử dụng với mật độ dày đặc như vậy. Trong toàn bài hát, Trịnh Công Sơn đã 22 lần sử dụng phương thức so sánh với 4 kiểu cấu trúc, trong đó, chiếm đa số là hai kiểu: A + tss + B và A + x + tss + B.

(xem tiếp trang 23)

Nhưng đối với người Hán, việc nhận biết họ kép không phải là một chuyện quá khó khăn. Vì phần lớn người Hán đều không có tên đệm, cho nên trên thực tế chúng tôi cũng hiếm khi lẫn lộn họ kép với tên đệm.

Còn hình thức của họ ghép trong tên người Hán cũng phong phú và đa dạng hơn so với họ ghép trong tên người Việt. Ngoài cấu trúc *họ bố* + *họ mẹ* ra, người Hán còn có một loại họ ghép tương đối đặc biệt là *họ chồng* + *họ bố* chuyên dành cho những người phụ nữ đã đi lấy chồng. Loại họ ghép này vẫn được sử dụng một cách phổ biến ở Đài Loan, Hồng Kông và Macau. Cho nên có thể nói, họ ghép ở Trung Quốc Đại Lục có thể thể hiện vai trò bình đẳng của phụ nữ trong xã hội cộng đồng, còn họ ghép ở Đài Loan, Hồng Kông và Macau thì đã thể hiện phong tục truyền thống của Trung Quốc.

Chúng tôi quan niệm rằng, đối với người Hán và người Việt, không nghi ngờ gì nữa, sự xuất hiện của họ kép và họ ghép là một hiện tượng khách quan, có tính xã hội tích cực. Vì phần lớn người Hán và người Việt ta đều mang họ đơn, đây cũng chính là nguyên nhân dẫn đến tình trạng trùng tên một cách nghiêm trọng. Để tránh khỏi hiện tượng trùng tên trong xã hội hiện nay, việc sử dụng nhiều họ ghép đang trở thành một giải pháp hiệu quả nhất. Bên cạnh đó, nó còn góp phần thể hiện vai trò bình đẳng của phụ nữ trong cuộc sống cộng đồng hiện nay. Tuy nhiên, chúng ta vẫn phải thừa nhận rằng, đối với người Hán cũng như người Việt, họ ghép vẫn chưa có vị trí ổn định trong hệ thống tên người. So với họ đơn, các họ kép và họ ghép (trong đó, chủ yếu là họ ghép) có tính phổ biến tương đối thấp, chưa được cộng đồng chấp nhận để sử dụng như là họ có sẵn.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Trung Hoa, *Họ và tên người Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội Hà Nội, 1992.
2. Nguyễn Kim Thân, *Vài nét về tên người Việt*, T/C Dân Tộc Học, s4, 1975.
3. Bình Long, *Nghĩa tên riêng của người*, T/C Ngôn ngữ, số phụ, số 2, 1989.
4. Hoàng Tử Quân, *Tên gọi và cách gọi tên*, T/C Ngôn ngữ, số phụ, số 2, 1984.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 10-07-2010)

(**Phương thức so sánh tiếp theo trang 28**)

Sự tương đồng giữa cái được so sánh và cái so sánh trong ca khúc là sự tương quan giữa những cái thuộc con người, cụ thể là thể giới nội tâm, tinh thần của con người và những cái bên ngoài con người (những hiện tượng tự nhiên, những sự vật hiện tượng cụ thể hoặc trừu tượng). Nét độc đáo trong sự so sánh của Trịnh Công Sơn là ở chỗ ông đã so sánh tình yêu với những sự vật hiện tượng mà trong đời sống người ta ít hoặc thậm chí không bao giờ so sánh tình yêu với chúng. Chính điều này đã kích thích sự liên tưởng của người nghe và góp phần làm nên nét riêng trong phong cách ngôn ngữ của Trịnh Công Sơn.

Bằng so sánh trong **Tình sầu**, Trịnh Công Sơn đã mang đến cho người nghe những cảm nhận mới mẻ về tình yêu, dẫn dắt họ trải qua những cung bậc cảm xúc khác nhau của tình yêu, và cuối cùng khiến họ đồng tình với tác giả: dù hạnh phúc hay khổ đau, thì con người cũng không thể sống mà không yêu.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Bích Hạnh (2009), *Biểu tượng ngôn ngữ trong ca từ của Trịnh Công Sơn*, Nxb Khoa học xã hội, H.
2. Đinh Trọng Lạc (1998), *Phong cách học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, H.
3. Nguyễn Thế Lịch (1988), *Các yếu tố và cấu trúc so sánh nghệ thuật tiếng Việt*, số phụ của Tc. Ngôn ngữ.
4. Nguyễn Thị Loan (2009), *Quan niệm mỹ học trong ca từ và văn xuôi Trịnh Công Sơn*, Luận văn Thạc sĩ Ngữ văn - Chuyên ngành Lí luận văn học, ĐHSHPN.
5. Nhiều tác giả (2004), *Trịnh Công Sơn - người hát rong qua nhiều thế hệ*, Nxb Trẻ, H.
6. Hoàng Kim Ngọc (2001), *So sánh và ẩn dụ trong ca dao trữ tình*, Nxb KHXH, H.
7. Lê Minh Quốc (2006), *Trịnh Công Sơn - Rời lệ ru người*, Nxb Phụ nữ, H.
8. Cù Đình Tú (1983), *Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt*, Nxb ĐH&THCN, H.
9. <http://www.tcs-home.org>

(Ban Biên tập nhận bài ngày 10-06-2010)